

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh Thủy sản thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa Văn phòng UBND tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 126/TTr-SNNMT ngày 22/4/2025.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước (*Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Mục XI. Lĩnh vực Thủy sản cấp tỉnh thuộc phần A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh và Mục VI. Lĩnh vực Thủy sản cấp huyện thuộc phần B. Thủ tục hành chính cấp huyện tại Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 3.** Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ NN&MT ;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP; các phòng, trung tâm;
- Lưu: VT, NC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Tuyết Minh**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THỦY SẢN THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT**  
**CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)*

**I. Thủ tục hành chính cấp tỉnh**

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
1.	1.004923	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai Cấp huyện trở lên)	44 ngày	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	Luật Thủy sản năm 2017; Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	Toàn trình
2.	1.004921	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ	- Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc	Không quy định	Luật Thủy sản năm 2017; Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai Cấp huyện trở lên)	<p>đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: 07 ngày làm việc;</p> <p>- Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 44 ngày</p>	nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		Thủy sản.	
3.	1.004918	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống	<p>- Trường hợp cấp mới: 13 ngày làm việc.</p> <p>- Trường hợp cấp lại: 03 ngày làm việc.</p>	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính	Không quy định	Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 Quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)		công tỉnh		số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	
4.	1.004915	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	Đối với trường hợp cấp mới 10 ngày làm việc. Đối với trường hợp cấp lại 03 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	5.700.000 đồng/lần	Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 Quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; Thông tư số 112/2021/TT-BTC ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						lý và sử dụng phí trong lĩnh vực quản lý nuôi trồng thủy sản	
5.	1.004913	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	10 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 Quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	Toàn trình
6.	1.004692	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản	5 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc	Không quy định	Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 Quy định chi tiết	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
		nuôi chủ lực		nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		một số Điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	
7.	1.004359	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	Đối với cấp mới: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Đối với cấp lại: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Cấp mới: 40.000đ/lần Cấp lại: 20.000đ/lần	Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 Quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thăm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thăm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.	
8.	1.003666	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	02 ngày làm	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm	Không quy định	Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn	Toàn trình



TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
				Phục vụ hành chính công tỉnh		gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác; Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.	
9.	1.003650	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	3 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 quy định về đăng kiểm viên tàu cá, công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá, bảo đảm an toàn kỹ thuật, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; Xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						<p>trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản. Thông tư số 06/2024/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá</p>	
10.	1.003634	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	3 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu	Không quy định	Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
				chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		ngày 15/11/2018 quy định về đăng kiểm viên tàu cá, công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá, bảo đảm an toàn kỹ thuật, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; Xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.	
11.	1.003586	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	03 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	Luật Thủy sản năm 2017; Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản	
12.	1.003681	Xóa đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	Luật Thủy sản năm 2017; Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và	

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
						Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.	

## II. Thủ tục hành chính cấp huyện

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
1.	1.004498	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	<p>a) Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;</p> <p>b) Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công khai phương án: 03 ngày làm việc;</li> <li>- Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý</li> </ul>	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận một cửa cấp huyện	Không quy định	Luật Thủy sản năm 2017; Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	Toàn trình

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức dịch vụ công
			cho tổ chức cộng: 60 ngày.				
2.	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công khai phương án: 03 ngày làm việc;</li> <li>- Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng: 60 ngày.</li> </ul>	Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận một cửa cấp huyện	Không quy định	Luật Thủy sản năm 2017; Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	Toàn trình

\* **Ghi chú:** - Nội dung thủ tục hành chính cụ thể công bố tại Quyết định này được thực hiện theo nội dung đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) và UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (<https://dichvucong.binhphuoc.gov.vn>) theo quy định.